

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Hữu;

2. Ông Lê Xuân Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Lê Đức L**, sinh năm 1972 – Chủ hộ kinh doanh đại lý phân bón - thuốc trừ sâu N.

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).
Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Lâm Văn Q**, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh).
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 4 năm 2025, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Đức L trình bày:

Gia đình ông là đại lý kinh doanh phân bón và vật tư nông nghiệp. Cụ thể từ ngày 03/11/2020 ông Lâm Văn Q đã nhiều lần mua phân bón và vật tư nông nghiệp của gia đình ông. Do là chỗ khách hàng thân thiết nên có bán thiếu cho ông Q nhiều lần. Sau nhiều năm mua bán và thanh toán với nhau, tính đến ngày 26/11/2024 ông

và ông Q cộng số nợ lại thì ông Q còn nợ ông số tiền là 449.460.000 đồng. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông Q trả số tiền trên nhưng ông Q chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện.

Nay, ông yêu cầu ông Lâm Văn Q phải trả số tiền nợ là 449.460.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 18.652.590 đồng.

Bị đơn – ông Lâm Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức L đối với ông Lâm Văn Q về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Lâm Văn Q trả cho ông Lê Đức L số tiền 317.920.000 đồng, ghi nhận ông Lê Đức L không yêu cầu tính tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức L đối với ông Lâm Văn Q về việc yêu cầu trả số tiền 131.540.000 đồng.

- Án phí: Ông Lê Đức L, ông Lâm Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lâm Văn Q là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lâm Văn Q.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Lê Đức L là chủ hộ kinh doanh đại lý phân bón - thuốc trừ sâu N. Hộ kinh doanh của ông L có bán phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Lâm Văn Q nhiều lần trong nhiều năm còn nợ lại tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu. Ông L nhiều lần yêu cầu ông Q trả số tiền nợ nhưng ông Q không trả nên phát sinh tranh chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê đức L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết, ông Lê Đức L có cung cấp chứng cứ là

- 01 phiếu giao hàng ghi ngày 18/4/2023 có nội dung:
“*tiền cũ, thanh toán, còn lại 317.920.000 đồng*”, có chữ viết, chữ ký xác nhận của ông Lâm Văn Q.

- 01 Bảng chi tiết công nợ phải thu đề ngày 18/4/2025 thể hiện từ ngày 03/11/2020 đến 30/4/2025, có nội dung “... *tổng cộng 449.460.000 đồng*”, không có chữ viết, chữ ký của bên nào.

Mặt khác, các phiếu giao hàng phát sinh sau ngày 18/4/2023 đến ngày 26/11/2024, ông L cho rằng có bán thiếu cho ông Q với số tiền nợ là 65.100.000 đồng, nhưng không có phiếu giao ký nhận hàng – nợ tiền, trong khi không có sự thừa nhận của ông Q.

Ông Lê Đức L cho rằng ông Q còn nợ số tiền 449.460.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh về số tiền này. Đối với phiếu giao hàng ghi ngày 18/4/2025 có chữ viết, chữ ký ông Q xác nhận còn nợ lại là 317.920.000 đồng. Nên yêu cầu của ông L có căn cứ chấp nhận một phần.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Lâm Văn Q đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Q không đến Tòa án, không có văn bản trình bày, ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 449.460.000 đồng là có cơ sở chấp nhận một phần.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu tính tiền lãi. Việc không yêu cầu tính lãi này của ông L là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Lê Đức L được chấp nhận một phần nên ông Lê Đức L, ông Lâm Văn Q phải chịu án phí sơ thẩm tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự; các Điều 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức L đối với ông Lâm Văn Q về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Lâm Văn Q có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đức L số tiền 317.920.000

(ba trăm mười bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn) đồng. Ghi nhận, ông Lê Đức L không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Đức L cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lâm Văn Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức L đối với ông Lâm Văn Q về việc yêu cầu trả số tiền 131.540.000 (một trăm ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi nghìn) đồng.

3/ Về án phí:

Ông Lâm Văn Q phải chịu 15.896.000 (mười lăm triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Đức L phải chịu 6.577.000 (sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 11.362.000 (mười một triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông L đã nộp tại biên lai thu số 0003409 ngày 05/5/2025, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh). Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Tây Ninh hoàn trả lại cho ông Lê Đức L số tiền 4.785.000 (bốn triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm còn lại.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11 – Tây Ninh;
- THA-DS tỉnh Tây Ninh;
- THA-DS tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Xuân Lan